

Bản án số: 16/2025/HNGĐ – ST

Ngày 26 tháng 5 năm 2025.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoa Thị Vân;
- Ông Trần Văn Đăng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lầu Thị B, sinh ngày 03/02/1989;

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng A L, sinh ngày 20/01/1991.

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 25/3/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Lâu Thị B trình bày:

Chị và anh Giàng A L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, đến ngày 04/9/2020 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 04/9/2020.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh, chị sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Giàng A L không chung thủy, có quan hệ yêu thương người khác, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Lâu không thay đổi, xuất phát từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Giàng A L.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 02 con chung, cháu thứ nhất Giàng A Ảnh, sinh ngày 12/01/2008, cháu thứ hai Giàng Thị Phương, sinh ngày 25/9/2009. Hiện cả hai cháu đang sống với anh Lâu từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2021. Khi ly hôn chị đồng ý để anh Lâu nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bản thân chị chưa có chỗ ở ổn định, không có thu nhập nên chị không có điều kiện cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Giàng A L không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Giàng A L, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Lâu, anh Lâu đã được nghe đọc, xem các văn bản tố tụng nhưng từ chối ký nhận văn bản, vì vậy Tòa án đã phải lập biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Lâu đã biết được chị Lâu Thị B khởi kiện nhưng không có văn bản trả lời và không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được vì chị Lâu Thị B có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các

quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, chị Lầu Thị B phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lầu Thị B được ly hôn anh Giàng A L.

Về con chung: Giao cả hai cháu Giàng A Ảnh, sinh ngày 12/01/2008 và cháu Giàng Thị Phương, sinh ngày 25/9/2009 cho anh Giàng A L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lầu Thị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Chị Lầu Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lầu Thị B trình bày:
Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lầu Thị B được ly hôn anh Giàng A L.

Về con chung: Giao cả hai cháu Giàng A Ảnh, sinh ngày 12/01/2008, cháu thứ hai Giàng Thị Phương, sinh ngày 25/9/2009 cho anh Giàng A L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lầu Thị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Chị Lầu Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Giàng A L có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lầu Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Giàng A L vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản

1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lầu Thị B và anh Giàng A L.

[2] Chị Lầu Thị B và anh Giàng A L có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, đến ngày 04/9/2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 04/9/2020 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì sau khi đăng ký kết hôn, anh, chị sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Lầu không chung thủy có quan hệ yêu thương người khác, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh L không thay đổi, xuất phát từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 không còn quan tâm đến nhau. Bản thân anh L đã biết chị Lầu Thị B có đơn khởi kiện ly hôn nhưng anh không có ý kiến gì, mâu thuẫn của chị Bâu và anh Lầu là có thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do chị Bâu cung cấp phù hợp với nội dung xác nhận của địa phương nơi anh, chị cư trú. Nay chị B xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị B, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Lầu Thị B được ly hôn anh Giàng A L.

[4] Về con: Chị Lầu Thị B và anh Giàng A L sinh được 02 con chung, cháu Giàng A Ảnh, sinh ngày 12/01/2008, cháu thứ hai Giàng Thị Phương, sinh ngày 25/9/2009. Hiện cả hai cháu đang sống với anh Lầu từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị Lầu Thị B đồng ý để anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Xét thấy anh Giàng A L thu nhập bình quân theo xác nhận của địa phương nơi anh cư trú từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày, từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2021 cả hai cháu vẫn ở với anh, khi Tòa án hỏi ý kiến cả hai cháu đều muốn ở với bố, quá trình sinh sống tại địa phương anh Lầu thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, chính quyền địa phương nơi cư trú cũng xác nhận anh Lầu đủ điều kiện nuôi cả hai con, bản thân chị Bâu thường xuyên đi làm xa nhà, không có chỗ ở ổn định, không có thu nhập, chị đồng ý để anh L nuôi dưỡng cả hai con, vì vậy Hội đồng xét xử giao cả hai cháu cho anh Giàng A L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét thấy bản thân chị B thường xuyên đi làm xa nhà, không có chỗ ở ổn định, không có thu nhập, anh Giàng A L không có văn bản yêu cầu chị Bâu cấp

dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy tạm thời chị Lầu Thị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về tài sản: Chị Lầu Thị B không yêu cầu Toà án giải quyết, trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Lầu Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Lầu Thị B được ly hôn anh Giàng A L. Quan hệ hôn nhân của chị Lầu Thị B và anh Giàng A L chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Anh Giàng A L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, cháu thứ nhất Giàng A Ảnh, sinh ngày 12/01/2008, cháu thứ hai Giàng Thị Phương, sinh ngày 25/9/2009 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tạm thời chị Lầu Thị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Lầu Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lầu Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 03/3/2025 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002912 ngày 04 tháng 3 năm 2025. Chị Lầu Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát (2);
- Dương sự (2);
- UBND xã Cốc Mỹ;
- THA DS;
- Người BVQ&LIHP;
- Lưu TA,VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

